

Số: 352/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, 93, 94, 95 - Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 ; Các Điều 99,100, 102, 103- Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1150/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**, chức vụ: chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Đ**, Trưởng phòng xử lý nợ

(Giấy ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025)

Người nhận ủy quyền của ông **Nguyễn Văn Đ**: ông **Lương Thế M**, nhân viên xử lý nợ.

(Giấy ủy quyền số 130326/2026/UQ.KHCN ngày 10/3/2026)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1983

Nơi thường trú: **số A ngách G ngõ Đ, phường B, Thành phố Hà Nội.**

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Các bên xác nhận ông **Nguyễn Phúc T** còn nợ **Ngân hàng TMCP V** theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 19/9/2022. Tính đến ngày 13/3/2026: nợ gốc là 99.717.508 đồng, nợ lãi quá hạn là 149.361.568 đồng, tổng cộng là 249.079.076 đồng.

2.2/ Các bên thống nhất xác nhận **Ngân hàng TMCP V** miễn số nợ lãi quá hạn là 79.079.076 đồng cho ông **Nguyễn Phúc T**. Ông **Nguyễn Phúc T** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** số nợ tính đến ngày 13/3/2026 là: nợ gốc 99.717.508 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.282.492 đồng. Tổng cộng là 170.000.000 đồng.

2.3/Các bên thống nhất thỏa thuận ông **Nguyễn Phúc T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** theo phương án trả nợ như sau:

+ Trong tháng 4 năm 2026, ông **Nguyễn Phúc T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** số nợ gốc là 20.000.000 đồng.

+ Trong tháng 5, tháng 6 và tháng 7 năm 2026, ông **Nguyễn Phúc T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** số nợ gốc là 79.717.508 đồng, số nợ lãi quá hạn là 70.282.492 đồng.

Trường hợp ông **Nguyễn Phúc T** vi phạm bất cứ thời gian trả nợ nào về thời hạn/ số tiền trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành án thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đồng thời kể từ ngày 14/3/2026, ông **Nguyễn Phúc T** còn phải chịu lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết với Ngân hàng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Về án phí: Các bên tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự có giá ngạch.

Ông **Nguyễn Phúc T** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000 đồng. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền 4.470.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp biên lai ký hiệu: BLTU/25E, số 0013732 ngày 28/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Hà Nội;;
- Phòng THA dân sự khu vực 3 --Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hiền